

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/5/2022

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

- Bà Nguyễn Thị Hoan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Đỗ Huy T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện L tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Chị Vi Thị Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Thôn Ngh, xã T1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Đỗ Hữu T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vi Thị Th kết hôn 09/4/2012 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Lục Nam. Hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có một con chung là Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là: Trước đây anh đi làm ăn xa tại thành phố Cần Thơ, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng năm 2021 anh về địa phương làm ăn thì vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm và chị Th tự bỏ nhà đi, đồng thời có nhắn tin cho anh nói nên ly hôn. Anh thấy đến nay không còn tình cảm với chị Th nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Th có một con chung là Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013, hiện anh đang nuôi. Do con A có nguyện vọng ở với mẹ, nên anh đề nghị giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Vi Thị Th trình bày lời khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Hữu T năm 2012 như anh T trình bày là đúng. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chị và anh T không có tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 12/2021 thì mâu thuẫn lại xảy ra và chị về nhà mẹ đẻ sống. Đến nay chị xác định đã hết tình cảm với anh T. anh T làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013. Hiện con chung đang ở với anh T. Cháu Ánh có nguyện vọng ở với chị, nhưng hiện nay điều kiện kinh tế của chị hết sức khó khăn, không có nhà, không có công ăn việc làm, nên chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi.

- Về tài sản: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, anh T không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và trình bày:

- Nguyên đơn anh Đỗ Hữu T trình bày: Anh và chị Vi Thị Th kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Năm 2013 thì anh và chị Th có một con chung là Đỗ Thị Bảo A; thời gian đầu anh và chị Th không có mâu thuẫn gì. Nhưng từ năm 2019 đến nay, hai vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, chị Th không quan tâm đến chồng, con, thường hay vắng nhà; có thời gian chị Th bỏ nhà đi hàng tháng mới về, anh có điện thoại hỏi tại sao thì chị Th nhắn tin đã có người đàn ông khác và đề nghị ly hôn. Đến tháng 12/2021 thì mâu thuẫn giữa anh và chị Th lại xảy ra, chị Th đã về nhà mẹ đẻ ở. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Th có một con chung là: Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013, hiện anh đang nuôi. Tại phiên hòa giải anh có đề nghị con A có nguyện vọng ở với mẹ thì giao con cho mẹ nuôi, nhưng chị Th không đồng ý. Nay anh đề nghị giao con A cho anh trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu.

Về tài sản: Để anh và chị Th tự thỏa thuận giải quyết.

- Bị đơn chị Vi Thị Th xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Hữu T được ly hôn chị Vi Thị Th.

- Về con chung: Giao cho anh Đỗ Hữu T trực tiếp nuôi con Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Đỗ Hữu T có đơn xin ly hôn với chị Vi Thị Th nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2] Về sự vắng mặt của chị Vi Thị Th: Bị đơn chị Th có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị Th là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu T và chị Vi Thị Th kết hôn ngày 09/4/2012, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Lục Nam theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Hai người đã sống hạnh phúc một thời gian và có một con chung là: con Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2021 anh T và chị Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi nhau, không ai bảo được ai, không quan tâm đến nhau; đến tháng 12/2021 thì anh T và chị Th sống ly thân. Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2022 anh T và chị Th xin thuận tình ly hôn, tuy nhiên hai bên không thỏa thuận được việc nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy anh T và chị Th đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho anh Đỗ Hữu T được ly hôn chị Vi Thị Th là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Anh T và chị Th có một con chung là Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013, hiện tại anh T đang nuôi, cháu Ánh có nguyện vọng ở với mẹ; chị Th đề nghị giao con cho anh T nuôi. Tại phiên tòa anh T xin nuôi con.

Xét thấy: Nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cả bố và mẹ. Cháu Ánh có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên xét về điều kiện nuôi con của cả hai bên thì thấy: Chị Th không có công ăn việc làm ổn định, không có nhà, hiện đang ở nhờ; còn anh T đang làm tại doanh nghiệp, có nhu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng; mặt khác cháu Ánh đang ở với anh T, có bố mẹ để anh T hỗ trợ việc chăm sóc con. Để bảo đảm quyền lợi của người con và tạo điều kiện cho cháu A có cuộc ổn định và tốt nhất, nên cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Hữu T được ly hôn chị Vi Thị Th.
2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Hữu T trực tiếp nuôi con Đỗ Thị Bảo A, sinh ngày 13/3/2013.

Sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Đỗ Hữu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013620 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện Lục Nam;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh